

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG**

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 52

# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	hết nhiệm kỳ ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025 miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2025
Ông Ngô Vi Hải Long	Thành viên	
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Wong Kelly Yin Hon	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao	
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Digital Business	
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG

(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Wong Kelly Yin Hon  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 11537012/68608045-LR-R

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Shape the future  
with confidence

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Thị Nữ  
Giám đốc Cấp cao  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.787.394.372.552</b>	<b>1.268.948.101.699</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	5	<b>1.027.258.755.504</b>	<b>661.033.097.236</b>
111	1. Tiền		422.258.755.504	661.033.097.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		605.000.000.000	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.250.000.000</b>	<b>6.750.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	5.250.000.000	6.750.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>551.350.435.298</b>	<b>432.049.238.640</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	252.302.677.318	322.204.689.491
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	19.816.548.200	4.342.070.768
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	280.544.630.395	106.679.190.285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(1.313.420.615)	(1.176.711.904)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>6.185.834.150</b>	<b>8.039.843.225</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	7.271.608.079	8.973.228.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(1.085.773.929)	(933.385.025)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>197.349.347.600</b>	<b>161.075.922.598</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	181.813.419.222	145.540.150.458
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.505.707	1.349.469
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	15.534.422.671	15.534.422.671
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.804.262.481.341</b>	<b>3.051.675.914.797</b>
210	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>4.563.590.487</b>	<b>4.773.590.487</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.563.590.487	4.773.590.487
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>575.482.342.764</b>	<b>596.220.358.981</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	487.694.836.556	511.389.221.106
222	Nguyên giá		886.949.760.207	893.171.471.297
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(399.254.923.651)	(381.782.250.191)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	87.787.506.208	84.831.137.875
228	Nguyên giá		756.878.503.351	738.597.287.156
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(669.090.997.143)	(653.766.149.281)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>69.278.924.997</b>	<b>46.091.610.825</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	69.278.924.997	46.091.610.825
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	14	<b>2.050.193.097.668</b>	<b>2.297.908.754.512</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	6.952.762.611.378	6.843.762.611.378
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	1.261.649.300.772	1.261.649.300.772
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.3	(6.164.218.814.482)	(5.807.503.157.638)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>104.744.525.425</b>	<b>106.681.599.992</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	104.744.525.425	106.681.599.992
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.591.656.853.893</b>	<b>4.320.624.016.496</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.242.120.841.721</b>	<b>3.760.269.125.589</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.009.125.112.417</b>	<b>3.689.378.045.616</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	771.828.003.644	631.303.445.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	31.916.172.821	35.967.097.041
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	180.702.085.706	71.439.459.037
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	796.801.536.256	979.904.992.072
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.672.911.017.069	1.353.946.055.975
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	56.529.877.455	58.775.998.462
320	7. Vay ngắn hạn	21	498.436.419.466	558.040.997.116
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>232.995.729.304</b>	<b>70.891.079.973</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	215.057.770.304	50.404.166.823
337	2. Phải trả dài hạn khác		736.217.000	586.217.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	17.201.742.000	19.900.696.150
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23</b>	<b>349.536.012.172</b>	<b>560.354.890.907</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>349.536.012.172</b>	<b>560.354.890.907</b>
411	1. Vốn cổ phần		293.769.740.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		293.769.740.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(47.218.780.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		102.985.052.979	333.033.151.714
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		333.033.151.714	2.141.135.095.248
421b	- Lỗ kỳ này		(230.048.098.735)	(1.808.101.943.534)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.591.656.853.893</b>	<b>4.320.624.016.496</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Hoàng Thị Huệ  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.400.921.346.432	2.368.860.174.637
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.400.921.346.432	2.368.860.174.637
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.576.779.642.685)	(1.505.691.469.844)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		824.141.703.747	863.168.704.793
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	22.915.232.738	16.585.377.826
22	6. Chi phí tài chính	26	(375.880.239.049)	(1.567.920.971.180)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.396.042.778)	(26.868.399.612)
25	7. Chi phí bán hàng	27	(329.154.667.692)	(337.165.031.967)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(372.924.896.755)	(426.812.497.404)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(230.902.867.011)	(1.452.144.417.932)
31	10. Thu nhập khác	28	10.432.815.217	917.634.504
32	11. Chi phí khác	28	(9.578.046.941)	(1.051.982.081)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác	28	854.768.276	(134.347.577)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế TNDN		(230.048.098.735)	(1.452.278.765.509)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(230.048.098.735)	(1.452.278.765.509)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Hoàng Thị Huệ  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(230.048.098.735)</b>	<b>(1.452.278.765.509)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	63.350.233.588	65.649.188.009
03	Các khoản dự phòng		358.258.154.628	1.525.779.987.252
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.104.381.514	1.308.864.361
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.930.283.860)	(3.350.755.099)
06	Chi phí lãi vay	26	13.396.042.778	26.868.399.612
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>185.130.429.913</b>	<b>163.976.918.626</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		53.048.847.296	(86.304.832.683)
10	Giảm hàng tồn kho		1.701.620.171	4.015.532.894
11	Tăng các khoản phải trả		552.192.817.389	181.415.611.471
12	Tăng chi phí trả trước		(34.336.194.197)	(43.165.215.469)
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.521.503.370)	(27.111.340.266)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>744.216.017.202</b>	<b>192.826.674.573</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(66.657.776.509)	(57.245.077.950)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		10.006.222.463	473.729.615
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		1.500.000.000	50.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		(280.000.000.000)	(1.569.475.468.612)
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		12.380.154.389	12.024.097.203
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(322.771.399.657)</b>	<b>(1.564.222.719.744)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		11.215.030.000	8.990.040.000
32	Hoàn trả đặt cọc mua cổ phần		(7.827.850.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay	21	706.365.425.927	1.004.452.700.899
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(765.970.003.577)	(725.386.721.722)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(56.217.397.650)</b>	<b>288.056.019.177</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		365.227.219.895	(1.083.340.025.994)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		661.033.097.236	1.732.371.924.390
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		998.438.373	905.119.147
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	1.027.258.755.504	649.937.017.543

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Hoàng Thị Huệ  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần VNG, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 0303490096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Tên Công ty được chuyển từ Công ty Cổ phần VNG sang Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh lần thứ 44 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKDN của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.533 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.519 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có mười ba (13) công ty con trực tiếp, hai mươi sáu (26) công ty con gián tiếp, năm (5) công ty liên kết trực tiếp và bốn (4) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	30 tháng 6 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vĩ Na ("VinaData")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vĩ Na ("Vinanet")	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
4.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
7.	Công ty TNHH Zie ("Zie")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
8.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPVN")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
10.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
11.	Quỹ Kiến tạo Ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH 2Morebits ("2Morebits")	100,00	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	30 tháng 6 năm 2025 Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	31 tháng 12 năm 2024 Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<b>I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</b>							
13.	Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms")	100,00	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
<b>II. Công ty con gián tiếp</b>							
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC")	50,994	50,994	51,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00	100,00	100,00	Hồng Kông	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cấp nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,989	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Truyền thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	99,999	99,999	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	30 tháng 6 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền của Công ty biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	-	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd. ("KMZ") (*)	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holdco") (*) (i)	47,73	47,73	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,73	47,73	Singapore	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU")	47,73	47,73	Úc	Dịch vụ tài chính	Đang hoạt động
19.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,73	47,73	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	47,73	47,73	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Ngưng hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động

(i) Công ty giữ 47,73% quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holdco theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	30 tháng 6 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)			
		Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
22.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform")	100,00	100,00	Dubai, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang trong quá trình giải thể
24.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode Việt Nam")	99,789	98,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
25.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG")	99,989	99,989	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
26.	Greennode Co., Ltd ("Greennode TH")	99,989	99,989	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
27.	VNG Technologies LLC (*)	-	100,00	Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	Dịch vụ mạng công nghệ thông tin; thiết bị hệ thống máy tính và truyền thông; thiết kế phần mềm; dịch vụ công nghệ sở cái phân tán; tư vấn công nghệ thông tin	Đang hoạt động
28.	Instantia Capital Pte. Ltd ("Instant Capital")	47,73	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động

(\*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và hoạt động kinh doanh chính chưa được bắt đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên công ty	30 tháng 6 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)			
III. Công ty liên kết trực tiếp								
1.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,55	16,55	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư	Đang trong quá trình giải thể
2.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	2,43	4,67	3,40	4,67	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số	Đang hoạt động
3.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")	35,00	35,00	35,00	35,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	22,71	22,71	23,94	23,94	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Đang hoạt động
5.	Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")	22,24	22,24	22,46	22,46	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
IV. Công ty liên kết gián tiếp								
1.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,25	11,25	11,25	11,25	Đảo Cayman	Công ty đầu tư	Đang hoạt động
2.	Open Commerce Group Ltd. ("OCG")	12,17	12,17	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử	Đang hoạt động
3.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu	Đang hoạt động
4.	NCV Games Pte. Ltd ("NCV")	30,00	30,00	30,00	30,00	Singapore	Phát triển trò chơi	Đang hoạt động



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đến ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế với giá trị là 230.048.098.735 VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Ngoài ra, tổng nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.221.730.739.865 VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu vận hành và thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn trong tương lai gần.

Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, cũng như nguồn tài chính bổ sung thông qua các hạn mức tín dụng hiện hữu. Công ty tin tưởng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Công ty có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm cho thời hạn thuê đến ngày 23 tháng 9 năm 2041. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Phần mềm, bao gồm phí bản quyền*

Phần mềm, bao gồm phí bản quyền, được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Việc đánh giá sự suy giảm của phí bản quyền được thực hiện cho từng trò chơi một cách riêng lẻ, dựa trên hiệu suất dự báo của từng trò chơi. Các khoản tổn thất từ việc suy giảm của phí bản quyền được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá trị phí bản quyền của các giấy phép bị thu hồi hoặc đóng trong năm cũng sẽ được xóa sổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

*Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ*

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển thì được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

*Trò chơi và phần mềm dở dang*

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang* (tiếp theo)

##### *Tài sản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.8 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.14 *Vốn góp của chủ sở hữu*

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Nghệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến*

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua đơn vị ảo và dùng đơn vị ảo để mua vật phẩm ảo, điểm thưởng, các kĩ năng, các tính năng có trong trò chơi để nâng cấp, tăng cao trải nghiệm chơi trò chơi của họ. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua đơn vị ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện đối với người chơi được hoàn thành. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)*

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

##### *Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức banner, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

##### *Các dịch vụ khác*

Các dịch vụ khác bao gồm:

- ▶ Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng
- ▶ Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát; và
- ▶ Dịch vụ khác.

Doanh thu của các dịch vụ trên được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

##### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Giá vốn dịch vụ cung cấp*

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

#### 3.18 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trên cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

#### *Thành lập các công ty con trong kỳ*

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH 2Morebits ("2Morebits") với tỷ lệ sở hữu là 100%. 2MoreBits có địa chỉ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm.

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thành lập Công ty TNHH Zalo Platforms ("Zalo Platforms") với tỷ lệ sở hữu là 100%. Zalo Platforms có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	632.609.680	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng (*)	421.626.145.824	660.398.952.320
Các khoản tương đương tiền (**)	605.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.027.258.755.504</b>	<b>661.033.097.236</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng của Công ty với tổng số tiền 341 tỷ VND đang bị giới hạn giao dịch liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(\*\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 4,1%/năm.

## 6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 5%/năm.

## 7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

### 7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>125.108.472.769</b>	<b>101.626.500.954</b>
Apple INC.	70.889.352.704	59.006.579.192
Google INC.	19.365.730.466	16.975.732.700
Phải thu khách hàng khác	34.853.389.599	25.644.189.062
<b>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>127.194.204.549</b>	<b>220.578.188.537</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.302.677.318</b>	<b>322.204.689.491</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.313.420.615)	(1.176.711.904)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>250.989.256.703</b>	<b>321.027.977.587</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**  
(tiếp theo)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn** (tiếp theo)

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>17.030.779.300</b>	<b>1.725.020.168</b>
Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam	2.624.780.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT		
- Chi nhánh Hà Nội	2.538.000.000	-
Hangzhou Yushu Technology Co., Ltd	1.853.320.600	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	10.014.678.700	1.725.020.168
<b>Trả trước cho bên liên quan</b> (Thuyết minh số 31)	<b>2.785.768.900</b>	<b>2.617.050.600</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.816.548.200</b>	<b>4.342.070.768</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>280.544.630.395</b>	<b>106.679.190.285</b>
Tạm ứng góp vốn vào công ty con	250.000.000.000	79.000.000.000
Chi hộ	18.817.927.265	18.556.589.647
Tạm ứng cho nhân viên	9.680.560.321	8.413.626.666
Khác	2.046.142.809	708.973.972
<b>Dài hạn</b>	<b>4.563.590.487</b>	<b>4.773.590.487</b>
Đặt cọc	4.563.590.487	4.773.590.487
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>285.108.220.882</b>	<b>111.452.780.772</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác bên khác	21.162.405.192	16.180.303.290
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 31)	263.945.815.690	95.272.477.482



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	3.755.312.422	-	5.245.576.275	-
Hàng khuyến mãi	3.516.295.657	(1.085.773.929)	3.727.651.975	(933.385.025)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.271.608.079</b>	<b>(1.085.773.929)</b>	<b>8.973.228.250</b>	<b>(933.385.025)</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	933.385.025	824.753.322
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	514.034.888	33.284.030
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(361.645.984)	-
Số cuối kỳ	<u>1.085.773.929</u>	<u>858.037.352</u>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>181.813.419.222</b>	<b>145.540.150.458</b>
Chi phí kênh phân phối	89.400.910.464	58.022.366.330
Phí bản quyền phần mềm	60.042.096.027	62.792.167.717
Chi phí dịch vụ trả trước	24.908.546.988	21.471.865.274
Phí bản quyền âm nhạc	7.149.925.566	2.002.458.465
Khác	311.940.177	1.251.292.672
<b>Dài hạn</b>	<b>104.744.525.425</b>	<b>106.681.599.992</b>
Tiền thuê đất trả trước	70.402.275.439	72.691.266.249
Chi phí kênh phân phối	12.481.143.647	2.514.203.554
Công cụ, dụng cụ	12.417.742.897	16.515.027.890
Chi phí sửa chữa văn phòng	5.663.921.709	8.586.265.919
Phí bản quyền âm nhạc	2.463.601.460	5.563.858.740
Khác	1.315.840.273	810.977.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>286.557.944.647</b>	<b>252.221.750.450</b>

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
						VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	655.391.075.259	5.727.224.683	45.959.108.984	136.011.953.893	50.082.108.478	893.171.471.297
Mua mới	-	-	-	840.363.637	-	840.363.637
Thanh lý	-	(2.653.165.000)	-	(4.378.137.727)	(30.772.000)	(7.062.074.727)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	655.391.075.259	3.074.059.683	45.959.108.984	132.474.179.803	50.051.336.478	886.949.760.207
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	-	3.074.059.682	35.142.115.282	108.828.145.927	49.091.764.675	196.136.085.566
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(163.911.897.095) (15.476.292.839)	(5.727.224.683) -	(38.550.001.533) (2.661.516.427)	(124.280.332.857) (5.967.435.199)	(49.312.794.023) (162.751.140)	(381.782.250.191) (24.267.995.605)
Khấu hao trong kỳ	-	2.653.165.000	-	4.111.385.145	30.772.000	6.795.322.145
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(179.388.189.934)	(3.074.059.683)	(41.211.517.960)	(126.136.382.911)	(49.444.773.163)	(399.254.923.651)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	491.479.178.164	-	7.409.107.451	11.731.621.036	769.314.455	511.389.221.106
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	476.002.885.325	-	4.747.591.024	6.337.796.892	606.563.315	487.694.836.556





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	736.260.165.292	2.337.121.864	738.597.287.156
Mua mới	13.676.900.000	-	13.676.900.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.328.030.000	-	34.328.030.000
Thanh lý	(3.800.000.000)	-	(3.800.000.000)
Xóa sổ	(25.923.713.805)	-	(25.923.713.805)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	754.541.381.487	2.337.121.864	756.878.503.351
<b>Trong đó:</b>			
Đã hao mòn hết	548.325.154.708	2.337.121.864	550.662.276.572
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(651.429.027.417)	(2.337.121.864)	(653.766.149.281)
Hao mòn trong kỳ	(39.082.237.983)	-	(39.082.237.983)
Thanh lý	3.800.000.000	-	3.800.000.000
Xóa sổ	21.210.790.290	-	21.210.790.290
Khác	(1.253.400.169)	-	(1.253.400.169)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(666.753.875.279)	(2.337.121.864)	(669.090.997.143)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	84.831.137.875	-	84.831.137.875
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	87.787.506.208	-	87.787.506.208

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	69.278.924.997	46.091.610.825

## 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	6.952.762.611.378	6.843.762.611.378
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	1.261.649.300.772	1.261.649.300.772
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.214.411.912.150</b>	<b>8.105.411.912.150</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 14.3)	(6.164.218.814.482)	(5.807.503.157.638)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.050.193.097.668</b>	<b>2.297.908.754.512</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
	sở hữu	đầu tư	sở hữu	đầu tư
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Zion (i)	99,999	5.589.651.547.562	99,999	5.549.651.547.562
VinaData	99,989	898.100.000.000	99,989	898.100.000.000
Vinanet	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913
Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000
VNGS	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000
EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903
VNG Online (ii)	100,00	40.000.000.000	100,00	1.000.000.000
Zie	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000
2MoreBits (iii)	100,00	20.000.000.000	-	-
A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000
ZPS	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000
Zalo Platforms (iv)	100,00	10.000.000.000	-	-
DMF	100,00	-	100,00	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.952.762.611.378</b>		<b>6.843.762.611.378</b>
Dự phòng đầu tư vào công ty con		(5.375.483.838.893)		(4.991.732.853.069)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>1.577.278.772.485</b>		<b>1.852.029.758.309</b>

- (i) Vào ngày 6 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Zion với tổng giá trị là 40.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Zion là 99,99922%.
- (ii) Vào ngày 2 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào VNG Online với tổng giá trị là 39.000.000.000 VND.
- (iii) Vào ngày 7 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty TNHH 2MoreBits theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND.
- (iv) Vào ngày 23 tháng 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty Zalo Platforms theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 07/2024/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2024 với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

##### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Telio	16,55	515.273.409.170	16,55	515.273.409.170
Funding Asia (i)	2,43	284.746.435.385	3,40	284.746.435.385
VTH	35,00	180.000.000.000	35,00	180.000.000.000
Ecotruck (ii)	22,71	143.509.456.217	23,94	143.509.456.217
DayOne Holding (iii)	22,24	138.120.000.000	22,46	138.120.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.261.649.300.772</b>		<b>1.261.649.300.772</b>
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết		(788.734.975.589)		(815.770.304.569)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b>472.914.325.183</b>		<b>445.878.996.203</b>

- (i) Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty sở hữu 2,43% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của Funding Asia.
- (ii) Trong năm 2025, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Ecotruck bị pha loãng còn 22,71%.
- (iii) Trong năm 2025, DayOne Holding đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với DayOne Holding bị pha loãng còn 22,24%.

##### 14.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết tăng (giảm) các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Sở đầu kỳ	5.807.503.157.638	3.649.525.588.519
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	390.820.279.236	1.532.043.382.075
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(34.104.622.392)	(2.163.832.989)
Số cuối kỳ	<u>6.164.218.814.482</u>	<u>5.179.405.137.605</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Phải trả người bán</b>	<b>231.188.537.508</b>	<b>249.666.951.988</b>
Seasun Games Corporation Limited	76.772.790.087	75.618.901.043
Chengdu Guangyun Technology Co., Ltd	34.613.534.765	-
Haegin. Co. Ltd.	19.299.127.425	8.212.535.988
Hong Kong NetEase Interactive Entertainment Limited	14.207.450.547	-
Changyou.Com Hong Kong Limited	10.067.002.150	3.049.581.718
Noventiq Vietnam Company Limited	7.999.465.781	499.238.867
Phải trả người bán khác	68.229.166.753	162.286.694.372
<b>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>540.639.466.136</b>	<b>381.636.493.925</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>771.828.003.644</b>	<b>631.303.445.913</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tạm ứng từ bên thứ ba	31.916.172.821	35.967.097.041

**17. THUẾ**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.534.422.671)	-	-	(15.534.422.671)
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	41.796.531.040	215.183.334.030	(107.637.265.845)	149.342.599.225
Thuế nhà thầu nước ngoài	23.285.639.078	157.335.533.381	(155.323.143.659)	25.298.028.800
Thuế thu nhập cá nhân	6.357.288.919	85.642.156.090	(85.937.987.328)	6.061.457.681
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>71.439.459.037</b>	<b>458.161.023.501</b>	<b>(348.898.396.832)</b>	<b>180.702.085.706</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phí bản quyền phần mềm	439.470.227.702	561.429.527.008
Chi phí quảng cáo	129.593.202.821	16.175.710.304
Chi phí lương	116.308.411.207	172.919.237.120
Chi phí phải trả khác	111.429.694.526	229.380.517.640
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>796.801.536.256</b>	<b>979.904.992.072</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả cho đối tượng khác	502.908.898.367	605.424.670.546
Chi phí phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	293.892.637.889	374.480.321.526

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng, dịch vụ quảng cáo và các dịch vụ khác.

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.672.911.017.069</b>	<b>1.353.946.055.975</b>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.460.123.333.586	1.227.922.756.454
Dịch vụ giá trị tăng thêm cho người dùng	131.141.499.149	52.132.491.724
Dịch vụ quảng cáo	47.310.319.627	45.563.818.364
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	17.753.171.286	12.046.114.194
Khác	16.582.693.421	16.280.875.239
<b>Dài hạn</b>	<b>215.057.770.304</b>	<b>50.404.166.823</b>
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	215.015.398.649	50.308.780.055
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	36.927.880	89.942.993
Khác	5.443.775	5.443.775
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.887.968.787.373</b>	<b>1.404.350.222.798</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thuế nhà thầu nước ngoài	38.443.646.146	26.668.350.889
Đặt cọc mua cổ phần	13.294.030.000	29.136.070.000
Kinh phí công đoàn	2.681.584.048	1.542.848.502
Khác	2.110.617.261	1.428.729.071
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.529.877.455</b>	<b>58.775.998.462</b>

Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam				
- Chi nhánh Hồ Chí Minh	337.673.970.253	-	(337.673.970.253)	-
Ngân hàng Hải Việt Nam				
- Chi nhánh Tân Bình	220.367.026.863	706.365.425.927	(428.296.033.324)	498.436.419.466
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>558.040.997.116</b>	<b>706.365.425.927</b>	<b>(765.970.003.577)</b>	<b>498.436.419.466</b>

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Hải Việt Nam	498.436.419.466	Từ ngày 17 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 12 năm 2025	5,5	Tin chấp
- Chi nhánh Tân Bình				

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.



Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG  
(trước đây là Công ty Cổ phần VNG)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(60.038.260.807)	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(1.452.278.765.509)	(1.452.278.765.509)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	688.856.329.739	916.178.068.932
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:</b>				
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	333.033.151.714	560.354.890.907
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	6.409.740.000	12.819.480.000	-	19.229.220.000
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(230.048.098.735)	(230.048.098.735)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	293.769.740.000	(47.218.780.807)	102.985.052.979	349.536.012.172

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2025 và Số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 6 năm 2025 về việc phát hành 640.974 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 30.000 VND/ cổ phiếu, vào ngày 19 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 640.974 cổ phiếu này.

Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 287.360.000.000 VND lên 293.769.740.000 VND và được Phòng Đăng ký Doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 43 vào ngày 16 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
và góp vốn đầy đủ	29.376.974	28.736.000
Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.376.974	28.736.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 30 tháng 6 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**23.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ	287.360.000.000	287.360.000.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	6.409.740.000	-
Số cuối kỳ	<u>293.769.740.000</u>	<u>287.360.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 24. DOANH THU

### 24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.904.723.134.065	1.944.141.848.132
Dịch vụ thông báo Zalo	160.799.746.658	105.892.814.258
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	107.140.524.638	248.456.793.013
Doanh thu tăng thêm cho người dùng cuối	99.553.046.306	6.685.478.500
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	38.912.234.495	29.596.081.441
Dịch vụ cho thuê	14.627.605.436	21.504.545.454
Khác	75.165.054.834	12.582.613.839
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.400.921.346.432</b>	<b>2.368.860.174.637</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.325.528.004.510	2.081.906.063.059
Doanh thu đối với bên liên quan	75.393.341.922	286.954.111.578

### 24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Cổ tức được chia	11.290.796.841	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.724.418.759	7.270.325.830
Lãi tiền gửi ngân hàng	900.017.138	9.315.051.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.915.232.738</b>	<b>16.585.377.826</b>

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phí bản quyền	755.104.880.979	664.775.750.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	391.407.095.034	436.267.673.370
Chi phí nhân viên	383.545.262.533	360.252.395.687
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.146.425.277	35.843.758.973
Chi phí khác	7.575.978.862	8.551.890.931
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.576.779.642.685</b>	<b>1.505.691.469.844</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn	356.715.656.844	1.529.879.549.086
Chi phí lãi vay	13.396.042.778	26.868.399.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	3.664.157.913	9.864.158.121
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.104.381.514	1.308.864.361
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>375.880.239.049</b>	<b>1.567.920.971.180</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>329.154.667.692</b>	<b>337.165.031.967</b>
Chi phí quảng cáo	296.616.795.595	310.024.858.499
Chi phí nhân viên	30.175.643.502	23.697.039.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.090.119.077	2.669.962.182
Chi phí khác	272.109.518	773.171.769
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>372.924.896.755</b>	<b>426.812.497.404</b>
Chi phí nhân viên	214.629.744.728	224.272.775.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.695.915.870	146.350.739.612
Chi phí khấu hao và hao mòn	24.203.808.311	29.805.429.036
Công cụ, dụng cụ	17.423.101.688	20.118.885.731
Chi phí khác	8.972.326.158	6.264.667.933
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>702.079.564.447</b>	<b>763.977.529.371</b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10.432.815.217</b>	<b>917.634.504</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	9.739.469.881	447.148.962
Thu nhập khác	693.345.336	470.485.542
<b>Chi phí khác</b>	<b>(9.578.046.941)</b>	<b>(1.051.982.081)</b>
Lỗ do xóa sổ tài sản cố định	(4.712.923.515)	-
Dự phòng suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	(1.253.400.169)	(970.075.882)
Chi phí khác	(3.611.723.257)	(81.906.199)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) THUẦN KHÁC</b>	<b>854.768.276</b>	<b>(134.347.577)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phí bản quyền phần mềm	755.104.880.979	664.775.750.883
Chi phí nhân viên	628.350.650.763	608.222.210.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.193.129.981	585.288.375.164
Chi phí quảng cáo	296.616.795.595	310.024.858.499
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và số 12)	63.350.233.588	65.649.188.009
Công cụ, dụng cụ	17.505.159.369	20.218.426.472
Chi phí khác	16.738.356.857	15.490.189.892
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.278.859.207.132</u></b>	<b><u>2.269.668.999.215</u></b>

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(230.048.098.735)</b>	<b>(1.452.278.765.509)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(46.009.619.747)	(290.455.753.102)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	73.148.492.424	23.803.112.427
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	-	244.114.210.036
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(46.147.460.398)	-
Chi phí không được khấu trừ	28.087.671.567	22.538.430.639
Thu nhập không chịu thuế TNDN	(6.820.924.478)	-
Cổ tức được chia	(2.258.159.368)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 30.2 Thuế TNDN hiện hành

Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

#### 30.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 2.825.988.588.670 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3.056.725.890.662) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

			VND	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
2021	2026	253.245.072.344	(230.737.301.992)	22.507.770.352
2022	2027	1.326.625.144.087	-	1.326.625.144.087
2023	2028	377.743.953.245	-	377.743.953.245
2024	2029	1.099.111.720.986	-	1.099.111.720.986
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.056.725.890.662</b>	<b>(230.737.301.992)</b>	<b>2.825.988.588.670</b>

(\*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

##### Chênh lệch tạm thời

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	2.825.988.588.670
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Doanh thu chưa thực hiện liên quan trò chơi trực tuyến	1.674.332.857.203
Lãi từ khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của tài sản	(2.248.235.829)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	17.201.742.000
Chi phí phải trả	6.916.675.214
Chi phí dự phòng liên quan trò chơi trực tuyến	10.573.361.615
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.313.420.615
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.085.773.929
Chi phí kênh phân phối	(84.818.140.400)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u><u>4.450.346.043.017</u></u></b>

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
A4B	Công ty con
Adtima	Công ty con
DMF	Công ty con
EPI	Công ty con
Fiza	Công ty con
Greennode SG	Công ty con
Greennode TH	Công ty con
Greennode Vietnam	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay VN	Công ty con
KMZ	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Mixus	Công ty con
MLT HK	Công ty con
MPT	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Verichains	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Games	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
VNG Online	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNGS	Công ty con
XFM	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Zie	Công ty con
Zion	Công ty con
ZPI	Công ty con
ZPVN	Công ty con
Zalo Platforms	Công ty con
2Morebits	Công ty con
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Cloudverse	Công ty liên kết
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
VTH	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và có các giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Tencent Cloud International Pte Ltd ("Tencent Cloud")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty
VNG Limited	Bên liên quan là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV ("BigV")	Bên liên quan là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Thanh Sơn	Bán thẻ trò chơi trả trước	531.898.634.631	560.453.047.691
Riot	Doanh thu phân chia	382.741.445.025	325.291.668.908
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	9.244.011.244	12.334.247.277
	Phí bản quyền phần mềm	2.216.989.817	-
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	339.925.890.360	202.286.187.047
	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	1.560.975.287	4.127.506.509
	Sử dụng dịch vụ	1.351.126.316	-
MPT	Doanh thu phân chia	217.245.577.162	89.213.284.211
	Doanh thu về hợp tác khai thác liên quan chương trình Coin - Khách hàng thân thiết	-	1.286.053.546
VinaData	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	198.424.090.846	206.674.433.949
	Cung cấp dịch vụ	3.699.605.436	600.276.480
	Phí bản quyền	410.936.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Adtima	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo Phí bản quyền	56.031.144.554 28.350.000.000	208.277.857.667 -
Zion	Góp vốn Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ Doanh thu cho thuê	40.000.000.000 21.170.528.088 11.400.000.000 -	1.777.094.567.012 22.364.584.103 25.000.000 12.000.000.000
ZPVN	Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tác giả Doanh thu phân chia Phí bản quyền Doanh thu bản quyền	23.174.000.000 20.278.491.668 4.437.437.997 1.768.863.825	- 118.960.481.698 - -
VNG Online	Góp vốn Tạm ứng góp vốn Mua dịch vụ quảng cáo	39.000.000.000 - -	- 11.000.000.000 1.322.836.785
Fiza	Sử dụng dịch vụ Leagen Doanh thu phân chia	35.236.921.750 -	- 13.636.752.579
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	32.227.911.053	30.379.007.833
2Morebits	Góp vốn	20.000.000.000	-
Zie	Doanh thu phân chia	14.416.117.362	9.064.276.362
DayOne Holding	Cổ tức	11.290.796.841	-
Zalo Platform	Góp vốn	10.000.000.000	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	6.318.263.970	15.697.775.226
Mixus	Doanh thu nhạc chờ và bản quyền bài hát Phí bản quyền phần mềm	2.766.900.385 2.295.788.941	2.335.574.522 5.345.071.849
Tencent Cloud	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	5.138.650.568	-
DMF	Chi phí từ thiện	4.520.000.000	-
Aceville	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	2.838.469.962	9.074.978.058
VNG DC	Sử dụng dịch vụ Góp vốn	1.564.034.500 -	- 2.718.284.601



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Greennode	Cung cấp dịch vụ Zalo cloud	455.151.291	-
VNGS	Phí bản quyền	-	51.637.795.501
	trò chơi trực tuyến	-	42.852.751.966
	Phí bản quyền phần mềm	-	9.414.545.454
	Doanh thu cho thuê	-	
EPI	Mua dịch vụ quảng cáo	-	28.229.373.595
VNG Solutions	Cung cấp dịch vụ	-	1.978.064.730
XFM	Mua dịch vụ quảng cáo	-	1.114.187.145

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thù lao, trợ cấp của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Hồng Minh - Chủ tịch (i)	2.605.322.000	2.590.406.000
Ông Vương Quang Khải - Thành viên (ii)	3.762.572.000	2.770.972.666
Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	90.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.427.894.000</b>	<b>5.451.378.666</b>

(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Đại diện pháp luật.

(ii) Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao.

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Tổng Giám đốc</b>		
<b>Tiền lương trung bình một tháng (VND/tháng)</b>		
Ông Wong Kelly Yin Hon	442.665.629	-
Ông Lê Hồng Minh	-	431.734.333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>442.665.629</b>	<b>431.734.333</b>

**Các thành viên quản lý chủ chốt khác**  
**Tiền lương trung bình một tháng**  
**cho một người (VND/tháng/người)**

Các Phó Tổng Giám đốc điều hành	373.149.210	396.856.611
---------------------------------	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</b>			
ZPVN	Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tác giả	24.000.000.000	-
Adtima	Doanh thu quảng cáo phân chia	15.635.367.116	42.113.481.411
	Doanh thu trích trước	2.765.575.459	-
Thanh Sơn	Bán thẻ trò chơi trả trước	14.801.375.000	38.441.850.000
Zion	Thu hộ	13.770.554.800	74.613.176.667
	Doanh thu trích trước	13.041.170.000	-
	Phí thuê văn phòng	4.180.000.000	2.200.000.000
Fiza	Doanh thu phân chia	12.124.128.885	10.570.310.477
	Doanh thu trích trước	6.576.709.150	-
Riot	Doanh thu trích trước	9.415.888.901	399.613.600
	Cung cấp dịch vụ	603.740.393	37.361.581.157
VNGS	Phí thuê văn phòng	4.859.000.000	4.859.000.000
Proxima	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.546.967.207	5.242.864.444
2Morebits	Phí thuê văn phòng	1.067.220.000	-
VNG DC	Cung cấp dịch vụ	860.218.975	914.343.045
Mixus	Doanh thu quảng cáo phân chia	379.930.893	1.151.885.637
EPI	Phí thuê văn phòng	347.600.000	-
ZPI	Phí bản quyền phần mềm	71.137.770	26.771.835
Zalo Platform	Phí thuê văn phòng	70.400.000	-
VTH	Cung cấp dịch vụ	60.390.000	60.390.000
VNG Online	Phí thuê văn phòng	16.830.000	-
VNG Solutions	Cung cấp dịch vụ	-	2.601.734.814
Vinanet	Cung cấp dịch vụ	-	16.500.000
DayOne	Cung cấp dịch vụ	-	4.685.450
		<b>127.194.204.549</b>	<b>220.578.188.537</b>

**Chi phí trả trước ngắn hạn**

Mixus	Phí bản quyền	2.333.840.689	-
-------	---------------	---------------	---

**Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)**

A4B	Sử dụng dịch vụ	2.624.257.500	-
Thanh Sơn	Sử dụng dịch vụ	161.511.400	167.050.600
VNG Solutions	Sử dụng dịch vụ	-	2.450.000.000
		<b>2.785.768.900</b>	<b>2.617.050.600</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu và phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>			
Zion	Tạm ứng vốn góp	250.000.000.000	40.000.000.000
	Chi hộ	6.920.254.806	3.555.820.205
EPI	Chi hộ	4.489.167.416	7.991.033.871
VNG Singapore	Chi hộ	820.801.396	816.891.211
VNG Online	Tạm ứng vốn góp	324.182.306	39.000.000.000
VNGS	Chi hộ	39.498.760	711.253.782
VNG Solutions	Chi hộ	-	2.398.290.031
Các công ty khác	Chi hộ	1.351.911.006	799.188.382
		<b>263.945.815.690</b>	<b>95.272.477.482</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>			
MPT	Thu hộ	195.710.776.897	117.618.886.971
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	126.742.174.484	114.600.272.314
VinaData	Chi phí cước đường truyền	86.752.924.973	14.364.944.492
Riot	Phí bản quyền	58.654.074.325	-
Zie	Thu hộ	26.958.371.096	19.857.716.169
VNG Singapore	Thu hộ	21.463.945.200	21.096.158.876
ZPVN	Thu hộ	10.662.767.064	71.067.787.564
	Phí bản quyền	2.954.138.115	-
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	5.854.662.951	5.531.508.396
Tencent Cloud	Sử dụng dịch vụ	2.387.314.750	-
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	906.203.107	8.786.849.137
Zion	Sử dụng dịch vụ	-	3.961.886.118
Aceville	Sử dụng dịch vụ	-	2.496.217.720
Các công ty khác	Sử dụng dịch vụ	1.592.113.174	2.254.266.168
		<b>540.639.466.136</b>	<b>381.636.493.925</b>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>			
Riot	Phí bản quyền phần mềm	138.610.262.846	216.088.179.247
Proxima	Phí bản quyền phần mềm	107.785.388.502	136.073.923.514
	Chi phí hoạt động	845.898.047	845.898.047
Tencent Shanghai	Phí bản quyền phần mềm	21.578.129.815	12.627.573.364
MPT	Doanh thu phân chia	8.679.742.441	-
Zion	Chi phí trích trước	3.861.328.317	-
VinaData	Chi phí cước đường truyền	3.787.367.343	3.737.631.056
Aceville	Sử dụng dịch vụ	2.720.121.911	1.277.472.080
Tencent Shenzhen	Phí bản quyền phần mềm	1.575.637.719	3.829.644.218
ZPVN	Phí bản quyền	1.483.299.882	-
	Doanh thu phân chia	2.716.576.000	-
Zie	Chi phí trích trước	248.885.066	-
		<b>293.892.637.889</b>	<b>374.480.321.526</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 32. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	31.097.985.812	22.185.437.333
Từ 1 đến 5 năm	65.348.185.370	56.650.483.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>96.446.171.182</b>	<b>78.835.920.833</b>

#### *Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các cam kết liên quan đến việc mua phí bản quyền trò chơi được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phí bản quyền trò chơi	90.578.355.622	140.655.853.206
Phí bản quyền tối thiểu	34.545.050.000	81.367.159.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>125.123.405.622</b>	<b>222.023.012.706</b>

#### *Các cam kết và nghĩa vụ tiềm tàng khác*

- (i) Trong năm 2022, Công ty đã ký kết một thỏa thuận đăng ký để đầu tư vào một công ty hợp danh hữu hạn mới thành lập. Theo các điều khoản của thỏa thuận, việc cam kết tài trợ toàn bộ số tiền 24 triệu USD của Công ty được các bên công nhận là phụ thuộc vào việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited, phương tiện niêm yết của Công ty. Trường hợp IPO không diễn ra trước một thời hạn nhất định, Công ty sẽ không bị xem là vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền cam kết. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi vốn trong vòng 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty không có ý định tiếp tục thực hiện thỏa thuận đăng ký này trừ khi IPO diễn ra vào hoặc trước ngày thống nhất của các đối tác, đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Theo đó, trong trường hợp như vậy, Công ty có thể chấm dứt thỏa thuận mà không phải chịu bất kỳ hình phạt nào.
- (ii) Theo thỏa thuận cổ đông đã được sửa đổi vào ngày 9 tháng 5 năm 2024 và thỏa thuận sửa đổi số 1 ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa Công ty, VNG Limited và một số đối tác có liên quan, Công ty có nghĩa vụ, trong trường hợp VNG Limited, với tư cách là bên có nghĩa vụ, không thể thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với bất kỳ khoản tổn thất nào cho các đối tác này khi xảy ra sự kiện vi phạm trong khoảng thời gian cụ thể, Công ty sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc bồi thường đối với bất kỳ khoản thiếu hụt đó. Các khoản này phát sinh từ những tổn thất mà bên đối tác phải chịu và đã được cam kết bồi thường, đảm bảo từ VNG Limited.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

#### Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần ("ESOP")

Công ty có ESOP, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu (ESOP II) hoặc 30.000 VND/cổ phiếu (ESOP III). Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu được tổng hợp từ chương trình ESOP II và ESOP III là 2.921.832 và được cấp từ năm 2020 đến hết năm 2027.

Chi tiết của chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

1. *Kế hoạch thực hiện*  
Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.
2. *Các điều khoản*
  - (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
  - (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
3. *Điều kiện*
  - (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
  - (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	977.282	30.000	889.704
Cấp trong kỳ	30.000	366.805	30.000	464.119
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(58.398)	30.000	(26.093)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(375.877)	30.000	(299.668)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		<u>909.812</u>		<u>1.028.062</u>

### 34. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ:		
- USD	10.305	1.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 11 tháng 8 năm 2025, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục pháp lý để thành lập Công ty TNHH VNGGames ("VGV") với tỷ lệ sở hữu là 100%. VGV có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT-VNKG ngày 18 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck, tương đương 22,71% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác.

Theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐQT-VNKG ngày 19 tháng 8 năm 2025, Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Verichains, tương đương 60% tỷ lệ sở hữu, cho một đối tác.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Hoàng Thị Huệ  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Người đại diện theo pháp luật

